

Bản án số: **43/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 22 - 9 - 2020  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Quyết và bà Nguyễn Thị Hồng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2020, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 28/TB-TA ngày 14/8/2020, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 28/TB-TA ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

*\*Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Thị Xuân M** - Sinh năm 1997 - Địa chỉ: Số 35 đường B, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

*\*Bị đơn:* ông **Huỳnh Ngọc T** - Sinh năm 1992 - Địa chỉ: K112/H19/12 đường P, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Xuân M trình bày:***

Bà và ông Huỳnh Ngọc T xây dựng gia đình vào năm 2015, đến năm 2016 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà sinh sống cùng gia đình bà M. Sau khi chung sống, giữa hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế và một

phần do ông T không tôn trọng bà M cùng gia đình bà dẫn đến cả hai thường xuyên xảy ra cãi vã, đời sống chung hết sức ngột ngạt. Từ năm 2019 đến nay, ông bà sống ly thân mỗi người một nơi. Hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải và ông bà cũng đã cố gắng để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay bà M xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn đối với ông Huỳnh Ngọc T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Xuân M xác định bà và ông Huỳnh Ngọc T có một con chung là Huỳnh Ngọc Thiên A, sinh ngày 22/01/2016. Ly hôn, bà M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Xuân M xác định bà và ông Huỳnh Ngọc T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà M giữ nguyên các ý kiến đã trình bày về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc Thiên A và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng.

*\*Bị đơn là ông Huỳnh Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\*Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn là ông Huỳnh Ngọc T trong suốt quá trình tố tụng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến phản hồi là không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định mâu thuẫn của vợ chồng giữa bà M và ông T đã trầm trọng, kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà M là có căn cứ, phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không có, bị đơn không có ý kiến nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**\* Về thủ tục tố tụng:**

[1] Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân M đối với ông Huỳnh Ngọc T là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Thanh Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Huỳnh Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**\* Về nội dung vụ án:**

[1] Đối với yêu cầu ly hôn của của nguyên đơn, thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Huỳnh Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H vào năm 2016. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định “*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình ...và có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Như vậy giữa vợ chồng việc sống chung, yêu thương vừa là quyền vừa là nghĩa vụ để các bên duy trì hôn nhân. Tuy nhiên theo bà M trình bày do phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên bà và ông T đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2019 và không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Kết quả xác minh của Tòa án cũng thể hiện từ giữa năm 2019 đến nay bà M và ông T không sống chung với nhau. Mặt khác trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí trong việc khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà M. Còn bà M xác định không còn yêu thương ông T.

Do vậy việc bà Nguyễn Thị Xuân M cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Ngọc T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2] Về yêu cầu nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn thì thấy:

Bà Nguyễn Thị Xuân M xác định bà và ông Huỳnh Ngọc T có một con chung là Huỳnh Ngọc Thiên A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2016. Ly hôn, bà M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

Xét yêu cầu trên đây của bà M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con chung. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có ý kiến gì về việc nuôi con, trong khi cháu A là con gái và đang ở độ tuổi mầm non cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, thực tế cháu cũng đang sinh sống cùng bà A nên cần tiếp tục giao cháu Huỳnh Ngọc Thiên A cho mẹ nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Ngọc T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do vậy bà M yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Xuân M xác định không có; ông Huỳnh Ngọc T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà M phải chịu; án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con ông T phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân M về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với ông Huỳnh Ngọc T.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân M được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc Thiên A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2016. Ông Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu A thành niên.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

**3. Về án phí :**

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Xuân M phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 1730 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Bà M đã nộp đủ án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Huỳnh Ngọc T phải chịu.

**4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- UBND P. H  
(GCNKH số 57 ngày 26.4.2016);
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**DƯƠNG THỊ THÁI**